

Số: 311/2024/QĐST-VHNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 384/2024/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Trương Thị Mỹ N, sinh năm 2002; nơi đăng ký thường trú: Ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: Số B, đường H, Tổ F, Khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Anh Nguyễn Văn Đ Em, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Phạm Thành N1, Tổ A, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện (nay là thành phố) Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2022, ngày 26 tháng 9 năm 2022. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đan V, sinh ngày 02/3/2023. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất giao con chung cho chị Trương Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em thuận tình ly hôn với nhau.

1.2. *Về con chung*: Giao cho chị Trương Thị Mỹ N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đan V, sinh ngày 02/3/2023.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ Em mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008623 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Tân Nghĩa, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng